

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Quỳnh Tường
2. Ông: Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, T trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2019, đã bị hoãn và ấn định lại ngày xét xử giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A King Thị T , sinh ngày 19/7/1997; Nơi cư trú: Thôn Càn T, xã HT, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở hiện nay: Thôn A B, xã Nh, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Bị đơn: Anh Hồ Văn K, sinh ngày 30 /3/1995; Nơi cư trú: Thôn Càn T, xã HT, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị A King Thị T trình bày:

Chị T và anh K tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 09/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chung sống với nhau không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh K không lo lao động làm ra của cải, thiếu trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình, hay tụ tập bạn bè uống rượu bia. Chị T góp ý khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh K không chịu nghe. Năm 2018 về sau, anh K thường xuyên đánh đập chị, phá phách đồ đạc trong nhà. Tháng 6 năm 2019 anh K đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà ba mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị T cho rằng hai người không đem lại hạnh phúc cho nhau, không thể tiếp tục chung sống với anh K nên yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Hồ Hữu kh, sinh ngày 05/8/2016. Chị T giao con cho anh K nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng mỗi tháng 400.000đ từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị T trình bày không có.

Lời khai ngày 29/10/2019 và qua hòa giải, bị đơn Hồ Văn K trình bày:

Anh với chị T có đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung. Anh K công nhận anh hay uống rượu bia say xỉn nên không kiềm chế được bản thân dẫn đến việc mâu thuẫn, bạo lực đối với chị T là có. Anh K nhận thức được việc làm sai trái, cảm thấy hối hận, mong muốn vợ rút đơn để trở về đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Do vậy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không đề cập. Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản, anh K trình bày không có.

Ngày 31/01/2019, Tòa án đã làm việc với chính quyền địa phương, Trưởng thôn Tân T công nhận anh K thường xuyên uống rượu bia say, vợ chồng xảy ra, bạo lực với vợ, địa phương đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh K không khắc phục, thậm chí anh K đã có lần dùng hung khí dọa đánh vợ.

T phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không đưa ra chứng cứ mới, không đề nghị triệu tập những người tham gia tố tụng khác. Anh K mong vợ rút đơn để về đoàn tụ. Chị T cương quyết ly hôn, giao con cho anh K nuôi vì cháu Hồ Hữu Kh đang ở với anh K, và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 400.000đ từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong được ly hôn, đồng ý giao con cho anh K nuôi và nộp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thấy rằng trong quá trình tiếp cận hồ sơ, gặp gỡ nguyên đơn tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị T cho biết anh K không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có bạo lực với vợ, vợ chồng thiếu bình đẳng, không tôn trọng nhau. Chị T bị anh K ruồng bỏ đã phải về nương tựa gia đình cha mẹ đẻ nhiều tháng nay. Không thể hàn gắn tình cảm hai người, xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc đề nghị được ly hôn và nộp tiền cấp dưỡng như nguyên đơn trình bày.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng không đến phiên tòa, không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị A King Thị T và anh Hồ Văn K kết hôn hợp pháp đã được UBND xã HT cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có một con chung là Hồ Hữu Kh, sinh ngày 05-8-2016, hiện nay đang ở với anh K. Vợ chồng mâu thuẫn do anh K hay uống rượu, bia say rồi gây gổ, đánh đập vợ. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Cháu Kh hiện nay đang ở với anh K, chị T giao con cho anh K nuôi và cấp dưỡng hàng tháng 400.000đ. Về tài sản và nghĩa vụ nợ nần không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị A King Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn anh Hồ Văn K cư trú tại xã HT, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân huyện A Lưới thụ lý vụ án là đúng quy định

vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A King Thị T và anh Hồ Văn K kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân xã HT, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-10-2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định T Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Tại các phiên họp và hòa giải, cả hai người thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do lối sống của anh K bê tha rượu chè, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên sử dụng bạo lực về thể xác và tinh thần đối với chị T. Mặc dù mong chị T rút đơn để về đoàn tụ nhưng anh K không đưa ra được hướng khắc phục những khuyết điểm của bản thân. Tại phiên tòa, anh K tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, chứng tỏ, anh K không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên cơ sở trình bày của chị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thấy rằng người có lỗi để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là anh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T ly hôn anh K; Không chấp nhận đề nghị của anh K.

[4] Về con: Anh K, chỉ có lời đề nghị trong quá trình thu thập chứng cứ hôm nay không đến tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày nên việc nuôi con có sự tranh chấp.

Chị T giao con cho anh K nuôi, chị không trực tiếp nuôi con nhưng có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp tiền, chưa được sự đồng ý của anh K. Nhưng với thu nhập của chị T hiện nay 2.000.000đ mỗi tháng, nộp tiền nuôi con 400.000đ/tháng đến khi trưởng thành là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. Chị T đi lại thăm con cũng là quyền của cha, mẹ đối với con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn và án phí nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị A King Thị T ly hôn anh Hồ Văn K; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Hữu Kh, sinh ngày 05-8-2016 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định T Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị A King Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ. Tổng cộng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ theo Biên lai thu số: AA/2013/004283 ngày 08 tháng 10 năm 2019 T Chi cục Thi hành án dân sự huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định T Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định T các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa

đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định T Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A L;
- UBND xã HT;
- Lưu; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Vĩnh